

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HS-ST
Ngày: 28-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28-9-2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST, ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Võ N; Sinh ngày 10-01-1993, tại huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

NĐKHKTT: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Quốc T và bà Nguyễn Thị T1 (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 06-6-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Võ N: Ông Hoàng Quốc T - Là cha của bị cáo Hoàng Võ N; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08-4-2016, Phạm Đình K trộm cắp của Rơ Châm P 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 81V1-164.81. Hôm sau K điều khiển

xe mô tô trên đi thay ổ khoá điện rồi mang cầm cố cho Phạm Quang T lấy số tiền 600.000 đồng, sau đó K gặp Nguyễn Thanh Q và hỏi Q có biết chỗ nào bán xe mô tô không, Q điện thoại cho Hoàng Võ N hỏi N có mua xe máy rẻ không, N nói xem xe rồi mua. Q hỏi K xe mô tô ở đâu mà có thì K nói xe ăn trộm. Q cùng với K cùng đi chuộc lại xe mô tô mà K đã cầm cố, rồi cùng nhau đi về nhà Q. Q tiếp tục điện thoại cho N và hẹn N đến nghĩa địa thôn B, xã Ia T để xem xe. Chiều ngày 10-4-2016, Q điều khiển xe mô tô tới nghĩa địa thôn B, xã T cho N xem. Khi xem xe thì N có hỏi Q về giấy tờ xe và biển kiểm soát của xe thì Q nói xe của Q đã mất giấy tờ còn biển số khi Q mua xe đã không có, nghe vậy N không nói gì và đồng ý mua xe với giá 9.000.000 đồng. N đưa trước cho Q số tiền 4.000.000 đồng. Hôm sau N đưa tiếp cho Q số tiền 5.000.000 đồng, Q bớt cho N 500.000 đồng, chỉ lấy tiếp 4.500.000 đồng.

Đến ngày 11-6-2016, Công an huyện G phát hiện Hoàng Võ N đang sử dụng chiếc xe mô tô trên, tại Cơ quan điều tra N đã khai nhận xe mô tô trên N mua lại của Q và tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận số: 41/KL-HĐĐGTS ngày 06-7-2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định giá trị còn lại thực tế của xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh trắng, số máy 55P1419038, số khung 5P10EY419013 là 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với hành vi của Phạm Đình K, Nguyễn Thanh Q và vật chứng của vụ án là xe mô tô đã được xử lý trong vụ án khác theo Bản án số 19/2017/HS-ST ngày 30-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Tại Cáo trạng số 35/CTr-VKS ngày 25/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai truy tố bị cáo Hoàng Võ N về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, n, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Võ N từ 10 - 14 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được xử lý theo Bản án số 19/2017/HS-ST ngày 30-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 31/KLGĐTC ngày 28-4-2017 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đã kết luận đối với Hoàng Võ N đã kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Sau khi phạm tội và hiện tại hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 81V1-164.81 của Q mang đến thì xe không có giấy tờ, không có biển kiểm soát, địa điểm mua bán tại nghĩa địa vắng người qua lại và giá tiền mua xe thấp hơn rất nhiều so với giá trị thực tế của chiếc xe nên bị cáo phải nhận thức được xe mô tô do Q bán cho mình là do phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn mua và sử dụng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo không thể khai về hành vi của mình do bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp cho bị cáo là ông Hoàng Quốc T đều đồng ý với nội dung Bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ mà Hội đồng xét xử công bố. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Hoàng Võ N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, tạo điều kiện khuyến khích những người khác thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo Hoàng Võ N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, hiện nay bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức điều khiển hành vi của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hoàng Võ N được quy định tại điểm h, n, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo hiện không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được xử lý theo Bản án số 19/2017/HSST ngày 30-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Võ N phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, n, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Võ N 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 28-9-2017).

Giao bị cáo Hoàng Võ N về cho UBND xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Hoàng Võ N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Võ N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-9-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo và chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo;
- UBND xã K, huyện G;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính

